

Sách Daniel - Số một trăm bảy mươi ba

Bóng tối Tòa Thánh: Vén màn ảnh hưởng và ý định đằng sau "Giáo hoàng của Hitler"

Jeff Pippenger

2024-04-03

Trong cuốn sách nhan đề **Giáo hoàng của Hitler**, tác giả John Cornwell mở đầu câu chuyện về vị giáo hoàng tương lai, người trị vì khi Hitler cai trị nước Đức, bằng ông nội của vị ấy và Giáo hoàng Piô IX, những người đã bị trục xuất khỏi Thành Rôma. Khi Piô IX chạy trốn khỏi thành Rôma, cải trang thành một nữ tu, người đàn ông duy nhất ngài đem theo mình là ông nội của vị giáo hoàng tương lai. Cornwell đề cập đến mối quan hệ gần gũi giữa hai người ấy, rồi sau đó cho thấy cha của vị giáo hoàng tương lai cũng đã gắn liền với trung tâm quyền lực của Giáo hội Công giáo như thế nào. Khi làm như vậy, ông xác định bối cảnh xã hội, chính trị và tôn giáo của lịch sử từ thời Piô IX cho đến Thế Chiến II. Phần khái quát lịch sử ấy vô cùng nhiều thông tin.

Một bước nữa trong sự tự phụ của giáo hoàng đã được thực hiện, khi vào thế kỷ thứ mười một, Giáo hoàng Grêgôriô VII tuyên bố sự hoàn hảo của Giáo hội La Mã. Trong các luận điểm mà ông nêu ra có một điều khẳng định rằng, theo Kinh Thánh, Giáo hội chưa bao giờ sai lầm và cũng sẽ không bao giờ sai lầm. Nhưng các dẫn chứng từ Kinh Thánh đã không đi kèm theo lời khẳng định ấy. Vị giáo hoàng kiêu ngạo ấy cũng đòi quyền phế truất các hoàng đế, và tuyên bố rằng không một phán quyết nào do ông ban ra có thể bị bất kỳ ai hủy bỏ; trái lại, đó là đặc quyền của ông được hủy bỏ các quyết định của tất cả những người khác.

"Một minh họa nổi bật về bản chất bạo ngược của người cổ xúy cho thuyết vô ngộ này đã được bày tỏ qua cách ông đối xử với hoàng đế Đức Henry IV. Vì dám coi thường quyền uy của giáo hoàng, vị quân vương này bị tuyên bố tuyệt thông và phế truất. Kinh hoàng trước sự bỏ rơi và những lời đe dọa của chính các vương công của mình—những người được sắc lệnh giáo hoàng khích lệ nổi loạn chống lại ông—Henry thấy cần phải làm hòa với Rôma. Cùng với vợ và một người hầu trung thành, ông vượt dãy An-pơ giữa mùa đông để hạ mình trước giáo hoàng. Khi đến lâu đài nơi Gregory đã lui về, ông bị dẫn, không có thị vệ, vào một sân ngoài; và tại đó, trong cái rét khắc nghiệt của mùa đông, đầu trần chân đất, mặc áo quần tồi tàn, ông chờ đợi giáo hoàng cho phép được vào yết kiến. Mãi đến khi ông đã ăn chay và xưng tội suốt ba ngày, giáo hoàng mới hạ cố ban cho ông sự tha thứ. Ngay cả khi ấy, ân xá cũng chỉ được ban với điều kiện hoàng đế phải đợi sự chuẩn thuận của giáo hoàng trước khi nhận lại các bảo hiệu hoặc thi hành quyền lực vương quyền. Và Gregory, phấn khích trước thắng lợi của mình, khoe khoang rằng bản phận của ông là hạ bệ sự kiêu hãnh của các vua chúa." Cuộc Đại Tranh Chiến, 57.

Gregory VII là một "người ủng hộ tính bất khả ngộ", nhưng tuyên bố đó đã không trở thành một giáo lý chính thức (tín điều) cho đến thời Pius IX, người đã biến tuyên bố ngu ngốc ấy thành một tín điều được xác lập tại Công đồng Vatican lần thứ nhất. Tín điều này được thông qua vào ngày 18 tháng 7 năm 1870, đúng tròn một trăm năm mươi năm trước sự thất vọng đầu tiên của một trăm bốn mươi bốn nghìn người.

Điều đáng lưu ý trong lịch sử là khi Piô IX triệu tập Công đồng Vatican I và thực thi tín điều bất khả ngộ của mình, động cơ của ông xuất phát từ sự căm ghét đối với cái gọi là “chủ nghĩa hiện đại.” Nó không bắt nguồn từ ý tưởng rằng một giáo hoàng không thể mắc sai lầm khi xác định các giáo lý Kinh Thánh; đó là sự bảo vệ cho lập trường phản đối của giáo hoàng trước những ảnh hưởng do Cách mạng Pháp tạo ra. Nó nhằm chống lại điều mà sau này sẽ được gọi là Chủ nghĩa Cộng sản.

Cách mạng Pháp đã gây ra một cuộc đảo lộn trong cơ cấu cai trị của các quốc gia châu Âu, với mối căm ghét đặc biệt dành cho chế độ quân chủ của giáo hoàng. Chính một cuộc nổi dậy theo khuynh hướng cộng hòa ở Ý đã tạm thời buộc Piô IX và cánh tay phải của ông rời khỏi Rôma. "Chủ nghĩa hiện đại", được thể hiện qua các triết thuyết do Cách mạng Pháp sản sinh, là kẻ thù không đội trời chung của Piô IX, và tín điều bất khả ngộ của ông nhằm củng cố mọi tuyên bố mà giáo hoàng đưa ra chống lại các ý tưởng theo chủ nghĩa hiện đại xuất phát từ Cách mạng Pháp.

Sách Daniel chương mười một, câu bốn mươi cho biết rằng vào năm 1798, vua phương nam (Pháp vô thần) đã gây vết thương chí tử cho vua phương bắc (chế độ giáo hoàng).

Giáo lý về tính bất khả ngộ của Piô IX có liên hệ với cuộc chiến được tiêu biểu trong câu bốn mươi của Đa-ni-ên mười một, và từ cuối năm 1869 đến năm kế tiếp, Piô IX đã triệu tập Công đồng Vatican thứ nhất, được biết đến là Vatican I, nhằm mục đích xác nhận rằng giáo hoàng là người đứng đầu Công giáo, và rằng Công giáo là người đứng đầu của mọi hội thánh, như đã được công bố bởi chiếu chỉ của Justinian vào năm 533.

Công đồng Vatican II, còn được gọi là Vatican II, diễn ra từ năm 1962 đến 1965. Đây là một sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử Giáo hội Công giáo và là một trong những công đồng đại kết quan trọng nhất của thời hiện đại. Công đồng được triệu tập dưới sự lãnh đạo của Giáo hoàng Gioan XXIII và tiếp tục trong triều đại giáo hoàng của Giáo hoàng Phaolô VI sau khi Gioan XXIII qua đời năm 1963. Điều quan trọng là phải nhận ra sự khác biệt rõ rệt giữa hai công đồng này.

Công đồng thứ nhất nhằm thiết lập điều được gọi là “quyền tối thượng” của giáo hoàng, nghĩa là giáo hoàng là vị cai quản, thầy dạy và mục tử tối cao của Giáo hội, có trách nhiệm gìn giữ và giải thích các giáo lý đức tin. Thẩm quyền của ngài hệ tại việc xác định các tín điều, ban hành các sắc lệnh tín lý, và đưa ra những tuyên bố có thẩm quyền về các vấn đề đức tin và luân lý, điều được gọi là sự bất khả ngộ của giáo hoàng. Điều đó cũng bao gồm thẩm quyền tài phán của giáo hoàng trên toàn thể Giáo hội hoàn vũ, kể cả quyền bổ nhiệm các giám mục, quy định các bí tích, và quản trị bộ máy hành chính của Giáo hội.

Công đồng thứ hai nhằm định hướng lại Giáo hội thành một thực thể đại kết. Các công đồng ấy là những chủ trương hoàn toàn đối nghịch. Công đồng thứ nhất mang tính bảo thủ đã bị công đồng thứ hai mang tính cấp tiến phủ định. Hai phe phái đó khác nhau như ngày với đêm, và lời tiên tri gắn với ba bí mật Fatima chỉ ra một cuộc chiến nội bộ được tượng trưng một cách thích đáng bởi hai công đồng này.

Lời tiên tri xác định một nhóm những người bảo vệ quyền tối thượng do Piô IX đại diện, được biểu trưng bằng cái gọi là "giáo hoàng trắng", "giáo hoàng tốt" hoặc "giám mục tốt"; còn nhóm kia, gắn

với Công đồng Vatican II, được biểu trưng bởi "giáo hoàng đen", "giáo hoàng xấu" hoặc "giám mục xấu". Sự đối kháng giữa hai khái niệm chính trị này được thể hiện khi bạn viếng đền thờ phép lạ Fatima, tại Fatima, Bồ Đào Nha. Khi bước vào, lối đi nằm giữa một bức tượng "giáo hoàng đen" ở một bên và một bức tượng "giáo hoàng trắng" ở bên kia.

Do đó, việc cội rễ của ông đan xen trong cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa hiện đại (vua phương nam) và quyền tối thượng của giáo hoàng (vua phương bắc) trở thành một phần di sản của người đàn ông sau này rốt cuộc trở thành nhân vật mà cuốn sách xác định là giáo hoàng của Hitler.

Cần phải hiểu rằng tác giả của cuốn sách mà chúng ta đang xét là một tín hữu Công giáo có vị thế tốt, và mục đích ông công bố khi viết cuốn sách ấy là nhằm soi sáng lời cáo buộc rằng vị giáo hoàng trị vì trong Thế Chiến II đã ủng hộ Hitler, Đức Quốc xã, hoặc có bất kỳ phần trách nhiệm nào trong cuộc diệt chủng nhằm vào người Do Thái và những người khác. Khi Cornwell đề cập đến ông nội của Piô XII, người cánh tay phải đã thiết lập Công đồng Vatican I, thì chính trong lịch sử ấy, lịch sử về cuộc tranh chiến giữa các vua phương nam và phương bắc đang được diễn lại. Khi cuộc cách mạng “Chủ nghĩa Cộng hòa” lan đến Ý, trong khoảng một năm, người Ý đã trục xuất Piô IX khỏi thành phố Rôma, và từ đó trở đi, ngay cả sau khi ông trở về, toàn bộ những gì ngôi giáo hoàng từng sở hữu chỉ còn lại một trăm mười mẫu Anh, được biết đến là Thành Vatican.

Cách duy nhất mà ông ta thậm chí có thể trở lại Vatican là nhờ sự trợ giúp của quân đội Pháp, và một khoản vay từ gia tộc Rothschild, những chủ ngân hàng Do Thái tai tiếng. Để hiểu một cách sáng suốt về sự đồng lõa của giáo hoàng trong cuộc diệt chủng người Do Thái trong Thế chiến II, cần phải có một sự hiểu biết căn bản về thái độ của châu Âu đối với người Do Thái kể từ sau sự đóng đinh Đấng Christ. Cuốn sách cho rằng chủ nghĩa bài Do Thái và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là hai thái độ khác nhau, lập luận rằng sự căm ghét của Hitler đối với người Do Thái mang tính chủng tộc, vì Hitler xem người Do Thái là một hạng người thấp kém hơn, trong khi chủ nghĩa bài Do Thái là sự căm ghét người Do Thái vì họ đã giết Đức Chúa Trời. Dù chúng là một và cùng một điều, hay thực sự có một sự phân biệt giữa hai điều đó, thì thực trạng khốn cùng của người Do Thái vẫn là điều đáng để tìm hiểu.

Chẳng hạn, tại nước Mỹ ngày nay, nếu từ “ghetto” được sử dụng, đa số đều nghĩ đó là cách gọi khu nghèo nàn, xuống cấp của thành phố. Nhưng thuật ngữ “ghetto” nguyên thủy chỉ một khu vực của thành phố, đặc biệt là tại Venice, Ý, nơi người Do Thái bị buộc phải cư trú trong suốt thời Trung Cổ. Khu ghetto đầu tiên được thiết lập tại Venice vào năm 1516, khi Cộng hòa Venice giam người Do Thái trong một khu vực được chỉ định của thành phố, được gọi là “geto nuovo” (xưởng đúc mới), về sau trở nên được biết đến như là ghetto.

Ở châu Âu trong suốt thời Trung Cổ, người Do Thái bị hạn chế về nơi họ có thể sinh sống, cũng như những nghề nghiệp họ được phép hành nghề. Những hạn chế này dựa trên định nghĩa cũ về chủ nghĩa bài Do Thái, theo đó cho rằng người Do Thái đã giết Thiên Chúa và rằng mọi rắc rối về sau của họ đều do chính hành động của họ gây ra.

Trong thời Trung Cổ, đã có một truyền thống được xác lập rằng các tín hữu Cơ Đốc không được cho vay tiền hoặc nhận lãi từ một khoản vay. Người Do Thái được miễn trừ khỏi sự hạn chế đó, và việc cho vay tiền trở thành một trong những nghề nghiệp mà người Do Thái được phép hành nghề.

Các chủ ngân hàng Do Thái, như gia tộc Rothschild, là những người đi tiên trong bối cảnh các hạn chế pháp lý về những ngành nghề mà họ được phép làm. Khi Pius IX cần tiền để trở về Vatican, sự cay đắng vì không còn cai trị thành phố Rôma nữa lại càng gia tăng bởi nhu cầu ông phải tìm đến người Do Thái để vay tiền.

Trước khi bị trục xuất khỏi Rô-ma, Piô IX dường như đứng về một trong hai khuynh hướng liên quan đến người Do Thái và mối quan hệ của hội thánh đối với họ. Hai khuynh hướng ấy gồm: một bên cho rằng người Do Thái, bất luận điều gì xảy đến với họ, đơn giản chỉ là đang nhận lấy điều họ đáng phải chịu; bên kia thì có xu hướng tỏ ra một chút thương xót đối với người Do Thái. Khi Piô IX trở lại Vatican sau khi bị trục xuất, sự thương xót mà đôi khi ông đã bày tỏ trước thời kỳ lưu đày của mình không bao giờ còn được bày tỏ nữa. Trước khi bị lưu đày, ông đã đóng cửa khu biệt cư trong thành phố Rô-ma, và sau khi trở về, ông tái lập khu biệt cư ấy, đồng thời bắt đầu áp dụng pháp luật trên người Do Thái nhằm bù đắp lại những tổn thất tài chính của mình.

Cánh tay phải của Giáo hoàng Piô IX là Marcantonio Pacelli, ông nội của “giáo hoàng của Hitler”. Ông là một luật sư thuộc một tầng lớp đặc biệt của các luật sư ủng hộ Tòa Thánh. Con trai ông trở thành một phần của cùng tầng lớp luật sư tinh hoa đó, cũng như cháu nội ông, người sau cùng sẽ trở thành “giáo hoàng của Hitler”. Sau khi cuốn sách điểm qua lịch sử về ông nội và cha của Eugenio Pacelli, cũng như tuổi trẻ và quá trình giáo dục của ông, nó bàn đến chức vụ mà Pacelli đảm nhận khi bắt đầu làm việc cho Tòa Thánh. Là một luật sư xuất thân từ tầng lớp luật sư tinh hoa của Tòa Thánh, ông được chọn đứng đầu một bộ phận chuyên về các bản hợp đồng, gọi là “concordats”. Năm 1901, Pacelli được đưa vào làm việc tại Văn phòng Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh.

Pacelli trở thành đặc sứ đến các quốc gia. Một cách tiên tri, Pacelli trở thành đầu mối pháp lý đã hoàn tất sự tà dâm của các vua chúa trên thế gian với giáo triều. Năm 1903, Piô X được đăng quang làm giáo hoàng. Ngay lập tức, ông bắt đầu tấn công “độc dược trí tuệ” đã sản sinh ra “chủ nghĩa tương đối và hoài nghi.” Người điều hành nỗ lực của Piô X nhằm diệt trừ “chủ nghĩa hiện đại” là Umberto Benigni, người làm việc trong cùng một văn phòng với Pacelli. Benigni từng phát biểu về một nhóm sử gia tầm cỡ thế giới rằng họ là những kẻ mà đối với họ, “lịch sử chẳng là gì ngoài một nỗ lực tuyệt vọng không ngừng để nôn mửa. Đối với hạng người này chỉ có một phương thuốc duy nhất: tòa án dị giáo!” Theo Benigni, bất kỳ sử gia nào bày tỏ chút cảm tình với các ý tưởng xuất phát từ Cách mạng Pháp đều phải bị xử tử.

Về mặt chính thức, Benigni điều hành bộ tuyên truyền của Tòa Thánh, nhưng không chính thức ông còn điều hành một mạng lưới gián điệp bí mật, nhằm nhận diện bất kỳ người Công giáo nào có cảm tình với “thuyết duy tân” vốn bắt nguồn từ vua phương nam. Cuối cùng, vào năm 1910, công việc của ông dẫn đến một chỉ thị buộc các nhân viên của Tòa Thánh phải tuyên thệ, gọi là Lời thề Chống Duy tân. Nó vẫn còn hiệu lực. Để được làm việc cho Vatican, bạn phải thề căm ghét các tư tưởng duy tân, mà ngày nay chúng ta sẽ gọi là các tư tưởng cộng sản.

Trong bản tóm tắt cuốn sách của Cronwell, trên trang lót bìa có ghi: “Trong thập niên đầu của thế kỷ, với tư cách là một luật sư Vatican trẻ tuổi xuất chúng, Pacelli đã góp phần định hình một hệ tư tưởng về quyền lực giáo hoàng chưa từng có; trong thập niên 1920, ông dùng mưu mô và tống tiền để áp đặt quyền lực ở Đức. Năm 1933, Hitler trở thành đối tác đàm phán lý tưởng của ông và một

hiệp ước đã được thiết lập, trao cho Giáo hội Công giáo những đặc quyền tôn giáo và giáo dục, đổi lại việc Công giáo rút khỏi các hoạt động xã hội và chính trị. Sự ‘tự nguyện’ thoái lui của chủ nghĩa Công giáo chính trị do Rôma áp đặt này đã tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của chủ nghĩa Quốc xã.”

Tại một cuộc họp nội các ngày 14 tháng 7 năm 1933, Adolph Hitler bày tỏ ý kiến rằng, ngay trong tháng đó, thỏa thuận do Pacelli dàn xếp với Đức Quốc xã đã tạo ra cho nước Đức “một không khí tin cậy.... Trong cuộc đấu tranh đang phát triển chống lại giới Do Thái quốc tế.”

Cuốn sách của Cornwell đã không được những người Công giáo đón nhận, vì họ khước từ việc chấp nhận bằng chứng cho thấy Pacelli là nguyên nhân chủ yếu khiến Hitler có thể vươn lên nắm quyền, bởi lẽ nước Đức là một quốc gia mà người Công giáo chiếm đa số. Pacelli đã ký kết một thỏa thuận ngăn cản nhà xuất bản Công giáo, các cơ quan thông tấn Công giáo và các trường học Công giáo nói bất cứ điều gì về đường hướng của Hitler kể từ năm 1933 trở đi. Cuốn sách lần theo khuynh hướng bài Do Thái rõ rệt của Pacelli, người sau đó đã trở thành giáo hoàng trong Thế Chiến II. Ít nhất ba điểm có thể được xác lập dựa trên những nguồn sử liệu hết sức đáng tin cậy từ cuốn sách.

Điểm thứ nhất là cuộc chiến giữa vua phương bắc và vua phương nam, như được trình bày trong Đa-ni-ên chương mười một. Trong cuộc chiến ấy, các thế lực thù địch là Công giáo chống lại chủ nghĩa vô thần, giáo hoàng chống lại chủ nghĩa Cộng sản. Điểm thứ hai là giáo hoàng đã sử dụng chủ nghĩa Quốc xã làm đạo quân ủy nhiệm của mình chống lại chủ nghĩa vô thần trong Thế Chiến II, cũng như giáo hoàng đã sử dụng Tin Lành bội đạo vào năm 1989 như đạo quân ủy nhiệm của mình chống lại chủ nghĩa vô thần của Liên Xô. Cuốn sách cũng xác định cấu trúc tiên tri nội tại và ngoại tại được tiêu biểu bởi những sứ điệp Sa-tan phát xuất từ phép lạ tại Fatima.

Cuộc chiến biên giới tại Raphia, được trình bày trong các câu mười một và mười hai của Đa-ni-ên mười một, tượng trưng cho cuộc chiến của đường biên hiện đang diễn ra tại Ukraine. Cuộc chiến xưa là một cuộc chiến nóng; cuộc chiến thứ hai là cuộc chiến ủy nhiệm thứ hai, với các đạo quân ủy nhiệm tham gia vào sự đối đầu sinh tử. Raphia xác định cuộc chiến biên giới là giữa vua phương bắc và vua phương nam, nhưng lời tiên tri dạy rằng cho đến luật Chủ nhật sắp đến, gái điếm của Ty-rơ bị lãng quên, Giê-sa-bên ở trong Sa-ma-ri, và Hê-rô-đia đã bỏ qua tiệc sinh nhật của Hê-rôt. Ba nhân chứng ấy về vai trò của vua phương bắc trong giai đoạn lịch sử hiện tại là: mù đang đứng sau hậu trường mà giết dây. Những cuộc chiến nóng, chiến tranh ủy nhiệm và chiến tranh lạnh xảy ra trong khi mù bị lãng quên đều được thực hiện bởi các đạo quân ủy nhiệm của mù.

Nga là vua phương nam, và hiện đang can dự vào một cuộc chiến tranh ở ngưỡng biên do những người theo chủ nghĩa toàn cầu của thế giới phương Tây tài trợ, chủ yếu là các đảng viên Dân chủ cấp tiến và những đảng viên Cộng hòa RINO (Republican In Name Only, Cộng hòa chỉ trên danh nghĩa) tại Hoa Kỳ. Khi Hoa Kỳ được trình bày như đội quân ủy nhiệm của vua phương bắc trong câu bốn mươi của Đa-ni-ên mười một, hai đặc tính tiên tri của nước này là sức mạnh quân sự và quyền lực tài chính. Hoa Kỳ đang thực hiện tại Ukraine chính công việc mà họ đã làm vào năm 1989, trợ giúp Giáo hoàng chống lại Nga, và đội quân ủy nhiệm trên thực địa, bảo vệ Ukraine, lại đầy rẫy những kẻ ủng hộ Quốc xã đến mức ngay cả truyền thông dòng chính cũng không thể phủ nhận điều đó. Hiện nay, La Mã đang sử dụng chính những đội quân ủy nhiệm mà bà đã dùng trong

cuộc chiến tranh nóng là Thế chiến thứ hai, và vào năm 1989, để tiến hành chiến tranh chống lại Nga. Hãy đọc cuốn sách: Hitler's Pope, the Secret History of Pius XII.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Cũng vậy, khi Đức Chúa Trời sắp mở ra cho Giăng yêu dấu lịch sử của Hội Thánh cho các thời đại tương lai, Ngài đã ban cho ông một sự bảo đảm về sự quan tâm và chăm sóc của Đấng Cứu Thế đối với dân Ngài bằng cách tỏ cho ông thấy 'Một Đấng giống như Con Người' bước đi giữa các chân đèn, tượng trưng cho bảy Hội Thánh. Trong khi Giăng được cho thấy những cuộc tranh đấu lớn lao sau cùng của Hội Thánh với các quyền lực trần gian, ông cũng được phép chiêm ngưỡng chiến thắng và sự giải cứu cuối cùng của những người trung tín. Ông thấy Hội Thánh bị lôi vào cuộc xung đột chết người với con thú và hình tượng của nó, và việc thờ lạy con thú ấy bị cưỡng bách dưới hình phạt tử hình. Nhưng nhìn vượt qua khói lửa và tiếng ầm ầm của chiến trận, ông thấy một đoàn người trên núi Si-ôn cùng với Chiên Con; thay vì mang dấu của con thú, họ có 'Danh của Cha được viết trên trán họ'. Và ông lại thấy 'những người đã thắng con thú, và hình tượng của nó, và dấu của nó, và số của tên nó, đứng trên biển thủy tinh, cầm những đàn hạc của Đức Chúa Trời' và hát bài ca của Môi-se và của Chiên Con.

Những bài học này là vì ích lợi của chúng ta. Chúng ta cần giữ vững đức tin nơi Đức Chúa Trời, vì trước mắt chúng ta là một thời kỳ sẽ thử thách linh hồn con người. Đấng Christ, trên núi Ô-liu, đã thuật lại những sự phán xét đáng sợ sẽ xảy ra trước khi Ngài tái lâm: 'Các ngươi sẽ nghe nói về chiến tranh và tin đồn về chiến tranh.' 'Nước này sẽ dấy lên nghịch cùng nước kia, và vương quốc nghịch cùng vương quốc; và sẽ có nạn đói, dịch bệnh, và động đất ở nhiều nơi. Tất cả những điều ấy là khởi đầu của sự đau đớn.' Dù những lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một phần khi Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt, chúng có sự áp dụng trực tiếp hơn cho những ngày sau rốt.

Chúng ta đang đứng trên ngưỡng cửa của những biến cố trọng đại và trang nghiêm. Lời tiên tri đang mau chóng được ứng nghiệm. Chúa đang ở ngay trước cửa. Một thời kỳ gây mối quan tâm sâu rộng cho hết thảy những người đang sống sắp mở ra trước mắt chúng ta. Những cuộc tranh luận của quá khứ sẽ được khơi dậy; những cuộc tranh luận mới sẽ nảy sinh. Những cảnh tượng sẽ diễn ra trong thế giới của chúng ta còn chưa hề được mơ tưởng. Sa-tan đang hành động thông qua các tác nhân loài người. Những người đang nỗ lực sửa đổi Hiến pháp và tìm cách ban hành một đạo luật bắt buộc tuân giữ ngày Chủ nhật không mấy nhận thức được hậu quả sẽ như thế nào. Một cuộc khủng hoảng đang kề cận.

"Nhưng các đầy tớ của Đức Chúa Trời không được cậy vào chính mình trong tình thế khẩn cấp lớn lao này. Qua những khái tượng ban cho Ê-sai, Ê-xê-chi-ên và Giăng, chúng ta thấy thiên đàng gắn bó mật thiết với những biến cố đang diễn ra trên đất đến mức nào, và thấy sự chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với những người trung thành với Ngài lớn lao dường nào. Thế gian không phải là không có Đấng cai trị. Chương trình của những sự kiện sắp đến ở trong tay Chúa. Đấng Uy Nghi của thiên đàng nắm giữ vận mệnh các dân tộc cũng như các công việc của Hội Thánh Ngài, dưới quyền tể trị của chính Ngài." Lời Chứng, tập 5, 752, 753.